

LỊCH SỬ DỊCH THUẬT VÀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO BIÊN PHIÊN DỊCH TẠI NHẬT BẢN

Đào Thị Nga My*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 04 tháng 07 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 09 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 01 năm 2022

Tóm tắt: Giảng dạy biên – phiên dịch tại Nhật Bản có những đặc trưng khác biệt so với phương Tây và các nước lân cận. Tìm hiểu về hiện trạng giảng dạy biên – phiên dịch tại Nhật Bản và những vấn đề tồn tại của nó sẽ mang lại những gợi mở cho đào tạo biên – phiên dịch tại Việt Nam.

Bài viết này khái lược lịch sử phát triển của nghề biên – phiên dịch tại Nhật Bản, mối liên hệ của bối cảnh lịch sử, xã hội Nhật Bản tới những đặc trưng của việc đào tạo biên – phiên dịch. Đồng thời, bài viết cũng tóm lược những nghiên cứu, khảo sát của các nhà nghiên cứu Nhật Bản về thực trạng dạy và học môn biên – phiên dịch tại các trường đại học của Nhật Bản. Hy vọng những thông tin cụ thể về giảng viên, quy mô lớp học, những vấn đề tồn tại, nguyện vọng của người học sẽ có ích cho việc xây dựng và phát triển môn biên – phiên dịch tại các trường đại học của Việt Nam.

Từ khóa: đào tạo biên – phiên dịch, dịch thuật, liên văn hóa

1. Lịch sử dịch thuật tại Nhật Bản

Thật khó xác định chính xác ngành dịch thuật ở Nhật bắt đầu từ thời kì nào. Cũng có ý kiến cho rằng có thể lấy mốc thời gian chữ Hán cùng các tác phẩm Hán văn được truyền vào Nhật Bản năm 284 là thời gian khởi thủy của ngành biên dịch tại Nhật Bản. Còn theo Yuzawa (2010) thì lần đầu ở Nhật có ghi nhận sự xuất hiện của các phiên dịch chuyên nghiệp là vào khoảng đầu thế kỉ 7, khi triều đình chấp nhận sự cần thiết của biên phiên dịch tiếng Hán (năm 730) và đưa ra sắc lệnh mở các khóa bồi dưỡng phiên dịch chính thống tại các đại học liêu (大学寮) - nơi đào tạo các vị quan thời đó (năm 817). Ngoài ra, vào thời gian này, tại các cơ sở Nho học và toán học cũng thử nghiệm đào tạo phiên dịch, mà nội dung trọng tâm là đào tạo hội thoại tiếng Hán. Tuy nhiên, đặc trưng

của nghề phiên dịch trong thời gian này không rõ ràng, quy mô còn nhỏ, nên có nhiều ý kiến cho rằng nên lấy thời kì Edo để nghiên cứu về lịch sử ngành phiên dịch tại Nhật Bản.

Dựa trên đặc trưng xã hội, kinh tế, văn hóa, có thể chia lịch sử dịch thuật qua 3 thời kì như sau:

1.1. Dịch thuật thời kì Edo (1600-1868)

Thời kì Edo là thời kì Mạc phủ thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng, mọi giao dịch với nước ngoài đều bị cấm nhằm hạn chế ảnh hưởng của Thiên chúa giáo. Nơi duy nhất được phép giao dịch với nước ngoài là hòn đảo Dejima (tỉnh Nagasaki). Có thể nói nghề phiên dịch ở Nhật Bản được bắt đầu từ đây. Thời kì này chủ yếu là phiên dịch tiếng Hà Lan và Trung Quốc. Ngoài ra, có cả phiên dịch tiếng Việt, Thái, Ấn,...

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: daongamy@gmail.com

Thời kì đầu, người của Mạc phủ kiêm nhiệm vai trò biên, phiên dịch. Sau này, nhiệm vụ này được chuyên nghiệp hóa, được gọi là “thông từ” (通詞).

Thông từ phụ trách tất cả các việc hành chính liên quan tới ngoại thương như dạy ngoại ngữ, kiểm tra tàu thuyền vào cảng, soạn thảo giấy tờ nhập cảnh, hành chính ngoại thương... Thêm vào đó, họ cần dịch văn bản, nghiên cứu ngôn ngữ, biên soạn từ điển.

Thời Edo, các tước hiệu được truyền từ đời cha sang đời con, tức là những người con sẽ được nối nghiệp của cha. Song trong số những người con của thông từ có những người không hề có năng khiếu về ngôn ngữ. Bởi vậy, chế độ này cũng dần dần bị bãi bỏ.

Đến cuối thời kì Edo, trước sức ép của Mỹ và nước ngoài, Mạc phủ bắt đầu cho phép giao lưu với nước ngoài và nhu cầu về phiên dịch dần xuất hiện nhiều hơn.

1.2. Dịch thuật thời kì Meiji (1868-1912) đến trước Thế chiến 2

Theo đà mở cửa của giai đoạn cuối thời kì Edo, bước vào thời kì Meiji, làn sóng mở rộng cửa và du nhập văn hóa Châu Âu diễn ra vô cùng mạnh mẽ ở Nhật. Ở thời kì này, một số nhà văn hóa với mong muốn khai phá văn minh cho Nhật Bản, giúp Nhật Bản phát triển kinh tế, văn hóa đã tích cực truyền bá ngôn ngữ, văn hóa, khoa học kĩ thuật từ Phương Tây vào Nhật Bản. Bởi vậy, vào thời kì Meiji, dịch thuật, đặc biệt là biên dịch phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, ở nửa đầu của thời kì này, người Nhật vẫn chưa quen với văn hóa Phương Tây do có một thời gian dài bế quan tỏa cảng, nên để người Nhật cảm thấy thân thuộc hơn với các tác phẩm dịch, các nhà biên dịch thường dịch theo lối phóng tác. Ở nửa sau của thời kì Meiji, các tác phẩm dịch không chỉ đơn thuần là dịch các tác phẩm giải trí, mà còn là cách để người Nhật hiểu về văn hóa, văn minh nước ngoài, nâng cao năng lực hiểu biết về liên văn hóa.

1.3. Dịch thuật thời kì sau thế chiến 2 đến nay

Sau thế chiến thứ 2, Nhật bước vào thời kì phát triển kinh tế cao độ. Rất nhiều công ty Nhật Bản đã đầu tư ra nước ngoài. Cùng đó, các công ty đã tuyển dụng những người giỏi ngoại ngữ vào làm việc. Nhưng hầu hết đó là những người có nhiều cơ hội đi nước ngoài. Sau đó, việc giảng dạy ngoại ngữ bắt đầu phát triển. Sau khi việc đi du lịch nước ngoài và du học trở nên phổ biến, nhiều người giỏi ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh xuất hiện, và bắt đầu hình thành nghề phiên dịch như hiện nay. Gần đây, xuất hiện nhiều phiên dịch tự do theo từng lĩnh vực riêng biệt như phiên dịch tư pháp, phiên dịch y tế,...

2. Đặc trưng của ngành đào tạo biên phiên dịch ở Nhật Bản

Theo Takeda (2012), đào tạo biên phiên dịch tại Nhật Bản có 2 đặc trưng rất khác so với các nước khác, *một là* việc đào tạo chủ yếu được tiến hành bởi các trường đào tạo biên – phiên dịch tư nhân chứ không phải tại các trường đại học hay sau đại học, *hai là* việc đào tạo biên phiên dịch được coi như một cách nâng cao trình độ tiếng và được tiến hành cho tất cả các trình độ, từ sơ cấp đến cao cấp.

Việc ngành đào tạo biên phiên dịch có những đặc trưng như trên xuất phát từ bối cảnh lịch sử của Nhật. Ở Nhật Bản, việc các trường đào tạo tư nhân giữ vai trò chủ đạo trong đào tạo biên phiên dịch là do vào thời kì phát triển kinh tế cao độ, nhu cầu phiên dịch tăng mạnh, việc đào tạo biên phiên dịch trở thành nhiệm vụ cấp bách. Trước tình hình đó, các công ty tư nhân, trong đó có rất nhiều người là những biên phiên dịch viên đã nhanh chóng xây dựng, tổ chức các khóa đào tạo biên phiên dịch. Việc mở các khóa đào tạo biên phiên dịch này một phần để cung cấp nguồn biên phiên dịch viên đáp ứng nhu cầu xã hội, một phần để bổ sung nguồn nhân lực cho chính các công ty này. Điều này có lợi cho cả hai phía: học viên và công ty.

Bên cạnh đó, theo Sato (2004) việc công ty tư nhân đứng ra tổ chức khóa đào tạo phiên dịch có một thuận lợi, đó là họ có kết nối khá tốt với thị trường, khiến học viên có nhiều cơ hội rèn luyện, thực hành trong thực tế. Các trường đại học không có thế mạnh trong việc kết nối với thị trường, khiến người học không trưởng thành nhanh được. Cũng theo Sato (2004), chủ của các công ty đào tạo phiên dịch nhận được nguồn thu khi vận hành các chương trình đào tạo, đây chính là động lực khiến các công ty luôn tìm cách nâng cao chất lượng, dốc tâm sức vào việc đào tạo.

Về phía trường đại học, một trong những lý do khiến các trường đại học của Nhật phản ứng chậm với nhu cầu của thị trường phiên dịch là nghề biên phiên dịch không được đánh giá cao tại Nhật Bản. Họ quan niệm rằng phiên dịch chủ yếu là kỹ năng, mà kỹ năng công việc không phải là những thứ được trang bị ở các trường đại học, mà là ở ngoại xã hội, khi được làm cùng những người có kinh nghiệm.

3. Hiện trạng việc đào tạo biên phiên dịch tại các trường đại học của Nhật Bản

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, rất ít trường đại học của Nhật có các khóa đào tạo biên phiên dịch chuyên nghiệp. Tuy nhiên, rất nhiều trường có giảng dạy các môn biên phiên dịch. Để tìm hiểu về thực trạng giảng dạy các môn học liên quan tới biên - phiên dịch tại các trường đại học, Mizuno (2008) và Tanaka (2007) đã tiến hành khảo sát khá nhiều trường đại học và đưa ra các kết quả có giá trị tham khảo.

3.1. Dạy biên dịch tại các trường đại học

Mizuno cùng các cộng sự (2008) đã khảo sát website của hơn 700 trường đại học và sau đại học, từ đó lọc ra 183 trường có giảng dạy các môn biên dịch. Trong 183 trường có 176 trường đại học với tổng số môn học liên quan tới biên dịch là 461 môn, có 37 đơn vị đào tạo sau đại học với tổng số

môn học liên quan tới biên dịch là 87 môn. Có 2 trường có 2 môn được giảng dạy cả ở bậc đại học và sau đại học.

Tại các trường đại học và sau đại học ở Nhật Bản, các giờ học liên quan đến biên dịch thường được bố trí vào năm thứ ba và năm thứ tư. Các môn biên dịch thường được xếp là môn tự chọn hoặc tự chọn bắt buộc, rất ít khi được xếp là môn bắt buộc. Tuy nhiên, cũng có trường yêu cầu sinh viên tham gia zemi của thầy dạy các môn biên dịch hoặc sinh viên ngành sư phạm bắt buộc phải học các môn này. Đa phần trong các trường hợp được hỏi (51%) trả lời rằng môn biên dịch được dạy cùng với môn phiên dịch, tuy nhiên, cũng 44% trường hợp được hỏi trả lời rằng môn biên dịch được dạy độc lập, không có môn phiên dịch hoặc các môn học liên quan.

Từ nghiên cứu của Naganuma và các cộng sự (2008), có thể khái quát về tình hình giảng dạy môn biên dịch tại các trường đại học của Nhật như sau:

3.1.1. Về tỉ lệ giữa các ngoại ngữ

Biên dịch Anh-Nhật chiếm tỉ lệ áp đảo (81%), các ngoại ngữ còn lại chỉ chiếm 14%, ngoài ra có những môn học dạy về những nguyên tắc biên dịch chung mà không lấy đối tượng là một ngôn ngữ cụ thể nào cả.

3.1.2. Thời lượng của môn học

Các môn học thường được dạy trong 1 học kỳ (61%), 35% được dạy trong cả 2 kỳ, khoảng 3% dạy theo hình thức tập trung. Tuy nhiên, cũng có trường hợp mặc dù dạy trong 1 học kỳ nhưng học 2 buổi/ tuần, hoặc ngược lại có trường hợp chỉ học 2 tuần một buổi nên có thể nói thời lượng tính theo học kỳ hay năm học như trên chỉ là tương đối.

3.1.3. Quy mô lớp học

Các lớp học có sĩ số dưới 30 người chiếm 55%, còn lại là các lớp học dưới 50 người (18%), dưới 10 người (17%), dưới 100 người (6%), trên 100 người (3%).

3.1.4. Loại hình phòng học

Trên 1 nửa số người được hỏi trả lời rằng họ sử dụng phòng học thông thường (58%). Ngoài ra, có môn học sử dụng phòng học đa mục đích hoặc phòng học ngoại ngữ có máy tính hỗ trợ (CALL - Computer Assisted Language Learning). Khi thực tế là công việc biên dịch được thực hiện trong môi trường công nghệ thông tin, thì các lớp dạy biên dịch vẫn được tiến hành trong các lớp học truyền thống thông thường. Việc các trường không đầu tư vào phòng học có lẽ do mục tiêu của các lớp học không phải để đào tạo các biên dịch viên chuyên nghiệp.

Cũng có một vài trường hợp trả lời rằng thông thường thì sử dụng các lớp học truyền thống, nhưng cũng có khi sử dụng phòng đa mục đích. Có thể các phòng học đa chức năng hay CALL được ưa chuộng, nên khó có thể đăng kí mượn được. Bên cạnh đó, cũng có người trả lời rằng không sử dụng phòng học, mà “chủ yếu là giao bài tập qua email”, “sử dụng phòng LL”, “học ở phòng zemi”, “học ở phòng nghiên cứu”.

3.1.5. Mục tiêu giờ học

Phần lớn (61%) trả lời rằng mục tiêu của giờ học là “tăng cường năng lực ngôn ngữ”, ngoài ra còn có các mục tiêu khác như “giáo dục về năng lực giao tiếp liên văn hóa” (48%), “giáo dục kiến thức cơ bản” (37%), “đào tạo biên dịch viên” (25%). Có một số người trả lời mục tiêu của giờ học là bồi dưỡng về lí luận biên phiên dịch hay đào tạo các nhà nghiên cứu. Có cả câu trả lời rằng đó là một phần của luyện tập phiên dịch. Ngoài ra cũng có phần ghi thêm rằng mục đích là để “bồi dưỡng năng lực diễn đạt bằng tiếng Nhật và năng lực tư duy logic”, “bồi dưỡng năng lực biên dịch ở mức độ các doanh nghiệp yêu cầu”, “cơ hội để có thể tiếp cận với tiếng Anh thực tế một cách nhẹ nhàng, thoải mái”.

3.1.6. Giáo trình

Có tới 62% trả lời là sử dụng giáo trình riêng do giáo viên biên soạn. Số trả lời

sử dụng sách bán trên thị trường là 44%. Khoảng 15% cho biết thêm họ sử dụng các giáo trình được biên soạn trên cơ sở kết hợp giữa giáo trình tự biên soạn và giáo trình có sẵn trên thị trường. Giáo viên biên soạn giáo trình trên cơ sở sử dụng báo tiếng Anh, phim ảnh, tiểu thuyết, manga để bổ sung thêm cho giáo trình có sẵn.

3.1.7. Tỷ lệ thực hành và lí thuyết

Khi được hỏi về việc giảng dạy lý thuyết và thực hành trong môn học, các môn học trả lời phối hợp giữa lý thuyết và thực hành là 49%, các trường chủ yếu coi trọng thực hành là 40%. Trong số những trường có kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, thì những trường có tỉ trọng thực hành nhiều hơn chiếm 59%. Điều đó cho thấy trong đào tạo biên dịch thường chú trọng thực hành hơn. Ở đây, Naganuma (2008) đã chỉ ra rằng khái niệm “lí thuyết” cũng còn chưa thống nhất giữa những người trả lời phiếu khảo sát. Ví dụ, đa phần quan niệm lý thuyết là kĩ năng biên dịch, ví dụ đầu giờ học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản, quy tắc dịch thuật, sau đó cho sinh viên thực hành. Trong quá trình thực hành, nếu cần thiết sẽ lại bổ sung những kiến thức về lý thuyết. Tác giả cho rằng cần tìm hiểu về việc các giáo viên quan niệm, phân biệt như thế nào về 2 khái niệm trên.

3.1.8. Phương pháp đánh giá

Các giờ học thường sử dụng các phương pháp: sửa bài, sinh viên tự nhận xét và chữa bài cho nhau. Số người trả lời sử dụng phương pháp chữa bài chiếm tỉ lệ áp đảo (66 lượt), số người trả lời sử dụng cách để sinh viên tự nhận xét và chữa: 27 lượt. Bên cạnh cách đánh giá truyền thống và phổ biến trên còn có trường hợp áp dụng các hình thức đánh giá khác như thi, sửa bài, báo cáo, thuyết trình.

Đối với câu hỏi “điều quan trọng khi đánh giá bài dịch của sinh viên”, các câu trả lời nghiêng về xu hướng “coi trọng cả bản dịch lẫn bản gốc.” Ví dụ, khi dịch từ tiếng

Anh sang tiếng Nhật, giáo viên sẽ hướng dẫn theo 2 hướng, đó là năng lực đọc hiểu ngôn ngữ nguồn và năng lực diễn đạt bản gốc sang ngôn ngữ đích. Một số giáo viên đã đưa ra các tiêu chí đánh giá như “độ tự nhiên của tiếng Nhật (ngôn ngữ đích)”, “độ chính xác của tiếng Nhật”, “bản dịch tinh tế”, “độ hoàn thiện của bản dịch”, “dễ đọc, dễ hiểu”. Từ kết quả trên có thể thấy xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ (mà cụ thể trong trường hợp này là tiếng Nhật) một cách có ý thức trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ. Đây là một phương pháp khác với phương pháp đọc dịch truyền thống.

3.1.9. Điểm quan trọng trong môn học

Những điểm được cho là quan trọng khi giảng dạy môn học được xếp theo tần suất trả lời từ cao đến thấp (trên cơ sở phân tích, lựa chọn các từ khóa trong câu trả lời) như sau.

- 1) Hiểu, đọc hiểu chính xác
- 2) (Khả năng diễn đạt) tiếng Nhật
- 3) Năng lực từ vựng, ngữ pháp
- 4) Kiến thức cơ bản, kiến thức nền
- 5) Sự khác nhau giữa dịch Anh-Nhật, Nhật-Anh và biên dịch
- 6) Sự khác nhau giữa tiếng Nhật và tiếng Anh
- 7) Sự đa dạng (tư liệu dịch)
- 8) Giao tiếp liên văn hóa
- 9) Hứng thú với việc dịch
- 10) Khả năng logic
- 11) Ý đồ của tác giả
- 12) Cách sử dụng, tra từ điển
- 13) Học tập theo nhóm
- 14) Bản dịch dễ hiểu

Ngoài ra, trong số câu trả lời còn có các câu liên quan đến khái niệm “dịch thuật là gì” kiểu “sự thú vị của dịch thuật”, “phương pháp học dịch”, “sử dụng siêu ngôn ngữ”, “không có bản dịch duy nhất”, “hiểu rõ mục đích và đối tượng của văn bản dịch”;

hay những câu trả lời liên quan đến việc tiến hành giờ học như “phụ đạo riêng cho từng cá nhân”, “sự chuyên cần của người học”, “thuyết trình”,...

3.1.10. Những vấn đề tồn tại và hướng nghiên cứu

Các câu trả lời cho câu hỏi về các vấn đề tồn tại và hướng nghiên cứu tập trung chỉ ra các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Anh và tiếng Nhật. Ngoài ra, những vấn đề liên quan đến giáo trình, sự quá tải của giáo viên khi phải chữa bản dịch cho sinh viên, sĩ số sinh viên, năng lực của sinh viên không đồng đều, thời lượng môn học cũng được chỉ ra. Dưới đây là những câu trả lời được sắp xếp theo thứ tự tần suất trả lời từ cao đến thấp (trên cơ sở phân tích, lựa chọn các từ khóa trong câu trả lời).

- 1) Năng lực ngôn ngữ, từ vựng, ngữ pháp
- 2) Năng lực tiếng Nhật
- 3) Năng lực tiếng Anh
- 4) Năng lực hiểu và đọc hiểu văn bản
- 5) Sĩ số
- 6) Năng lực tiếp thu, năng lực cơ bản, năng lực tập trung
- 7) Sự chênh lệch về trình độ của sinh viên
- 8) Giáo trình
- 9) Cân đối giữa lí luận và thực hành
- 10) Gánh nặng chữa bài
- 11) Thời lượng môn học
- 12) Sự gia tăng của lưu học sinh
- 13) Sự quan tâm đến lí thuyết
- 14) Sự quan tâm đến văn học
- 15) Kiến thức nền, kiến thức xã hội
- 16) Giờ học đơn điệu
- 17) Chương trình, hệ thống hóa
- 18) Sử dụng thành thạo phòng học CALL

Bên cạnh nội dung về giờ học, phiếu khảo sát còn đưa ra những câu hỏi liên quan đến giáo viên phụ trách môn biên dịch. Kết quả khảo sát cho thấy về vị trí việc làm của giáo viên thì 57% giáo viên là cơ hữu, 39%

là hợp đồng vụ việc (còn lại là không trả lời hoặc bổ sung những vị trí việc làm không có sẵn trong các phương án lựa chọn). Từ kết quả này, Naganuma (2008) nhận định giảng dạy biên dịch đã có một vị trí nhất định trong giảng dạy ở trường đại học.

Khi được hỏi về kinh nghiệm giảng dạy môn biên dịch tại các trường đại học/ sau đại học của giáo viên, có 20% trả lời là dưới 10 năm, 33% trả lời dưới 5 năm và 28% trả lời dưới 3 năm. Như vậy, có tới trên 80% số giáo viên đang giảng dạy các môn biên dịch có kinh nghiệm dưới 10 năm. Điều này cho thấy các môn biên dịch ở các trường đại học, sau đại học thường là các môn học mới được xây dựng, đồng thời từ đó cũng có thể nghĩ rằng các phương pháp giảng dạy môn biên dịch hiện vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Về kinh nghiệm liên quan tới nghề biên dịch, có 79% giáo viên trả lời là “có kinh nghiệm”. Tuy nhiên, có sự khác nhau về cách hiểu về có hay không có kinh nghiệm của người trả lời. Cụ thể là, có người hiểu “có kinh nghiệm” là từng làm biên dịch một cách chuyên nghiệp, cũng có người hiểu là từng làm như nghề phụ, việc làm thêm.

Trong số trả lời “có kinh nghiệm”, có 60% có kinh nghiệm từ 10 năm trở lên. Kết quả này cho thấy các giảng viên đảm nhiệm các môn biên dịch đều là người có kinh nghiệm lâu năm. Ngoài ra, các lĩnh vực mà họ đã từng đảm nhận công tác biên dịch cũng phong phú. Bên cạnh kinh nghiệm biên dịch, những giảng viên đảm nhiệm môn biên dịch còn nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ học, văn học, biên phiên dịch, dạy tiếng.

3.2. Dạy phiên dịch ở các trường đại học

Việc dạy các môn phiên dịch ở các trường đại học Nhật Bản là việc dạy được giao phó cho giáo viên, người phụ trách nên rất khó nắm bắt được bức tranh toàn cảnh. Cụ thể, các tiêu chí về giáo viên (có cần chứng chỉ, kinh nghiệm hay không), yêu cầu đối với người học, chương trình dạy đào tạo,

mục tiêu môn học còn muôn hình vạn trạng, hầu như chưa được quy định rõ.

Để tìm hiểu một cách khái lược về tình hình giảng dạy môn phiên dịch ở các trường đại học, sau đại học của Nhật Bản, Someya và các cộng sự (2005) đã tiến hành một khảo sát. Theo nhóm tác giả, ở Nhật Bản có khoảng 105 trường đại học, sau đại học có các môn học liên quan đến phiên dịch. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi phiếu khảo sát đến 60 giáo viên phụ trách môn học liên quan đến biên phiên dịch và đã thu được những thông tin quý giá cho việc nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ nói chung và giảng dạy biên phiên dịch tại các trường đại học của Nhật Bản nói riêng.

Kết quả khảo sát của nhóm được tóm lược như sau.

3.2.1. Vị trí việc làm của giáo viên

Có 56% giáo viên cơ hữu và 44% giáo viên thỉnh giảng. Từ kết quả này, Someya (2005) cũng đưa ra kết luận là việc dạy và học các môn phiên dịch đã phần nào khẳng định vị trí nhất định trong giáo dục đại học của Nhật Bản. Tuy nhiên, tác giả cũng bổ sung rằng khảo sát tiến hành vào dịp nghỉ hè, nên việc gửi phiếu khảo sát tới giáo viên thỉnh giảng gặp khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả khảo sát.

3.2.2. Thâm niên của giáo viên

Giáo viên có kinh nghiệm trên 10 năm chiếm 33%, trên 20 năm chiếm gần 16%, tức là khoảng 49% là giáo viên dày dặn kinh nghiệm, có số năm giảng dạy môn học từ 10 đến trên 20 năm. Kết quả này cho thấy giáo viên của các khóa phiên dịch phần lớn là những người gắn bó lâu năm với môn học này, chứ không phải giảng dạy mang tính thời vụ.

3.2.3. Kinh nghiệm phiên dịch thực tế

Có tới 98% giáo viên trả lời là có kinh nghiệm phiên dịch thực tế, trong đó có 42% giáo viên tại thời điểm khảo sát vẫn đang thực hiện công việc biên dịch.

Khi được hỏi về số năm gắn bó với nghề phiên dịch, 35% trả lời là trên 20 năm, 30% trả lời là trên 10 năm, tức là có tới 65% giáo viên có kinh nghiệm làm nghề phiên dịch từ 10 đến trên 20 năm. Có thể thấy các trường đại học khá chú trọng việc chọn giáo viên có kinh nghiệm thực tế để đảm nhiệm môn phiên dịch. Việc tỉ lệ giáo viên có kinh nghiệm làm nghề 10 năm trở lên khá cao có lẽ còn do tiêu chuẩn tuyển giáo viên thỉnh giảng ở các trường đại học là phải có bằng thạc sĩ hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế 10 năm trở lên.

3.2.4. Lĩnh vực chuyên ngành phiên dịch của giáo viên

30% trả lời họ chủ yếu phiên dịch hội nghị, 29% phiên dịch thương mại, tức là tỉ lệ giáo viên làm phiên dịch trong hai lĩnh vực chính là hội nghị và thương mại là gần 50%. Số còn lại là phiên dịch kĩ thuật công nghiệp (10%), tư pháp (8%), cộng đồng, dịch vụ công (8%), phiên dịch phát thanh truyền hình (5%).

3.2.5. Trình độ học vấn của giáo viên

Chiếm tỉ lệ cao nhất là giáo viên có trình độ thạc sĩ (62%), tiến sĩ chiếm 18%, cử nhân chiếm 16%, còn lại 4% không trả lời. Trong số những người chưa có bằng thạc sĩ, có gần 1 nửa là chỉ tốt nghiệp đại học, nhưng họ đều là những phiên dịch kì cựu, có kinh nghiệm lâu năm và được đánh giá cao trong lĩnh vực hoạt động của mình.

3.2.6. Thời điểm bố trí môn học

Có tới 44% trả lời rằng môn học được bố trí vào năm thứ ba hoặc thứ tư, 22% trả lời bố trí vào năm thứ nhất và năm thứ hai, 10% trả lời bố trí vào năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Qua khảo sát, Someya (2007) chỉ ra rằng khi môn học được bố trí vào năm thứ ba và năm thứ tư thường được dạy như môn học chuyên ngành, còn khi được bố trí vào năm thứ nhất hoặc thứ hai thì được dạy như một môn học tiếng, hoặc với tư cách là

môn học cơ sở. Các trường đại học có mở khóa đào tạo phiên dịch là Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Đại học Rikkyo, Đại học Daitobunka, Đại học Aoyamagakuin, Đại học Meikai, Đại học Ngoại ngữ Osaka, Đại học Nữ sinh Shimizu, Đại học nữ Kobe,...

3.2.7. Loại môn học

57% trả lời môn học là môn tự chọn, 14% là môn tự chọn bắt buộc.

3.2.8. Thời lượng khóa học

51% trả lời là học trong một kì, 45% trả lời khóa học được tiến hành trong cả năm học. Với môn học được dạy trong một kì thì môn học được bố trí ở kì một và kì hai thường có sự liên thông, nhất quán. Cũng có trường hợp trả lời khóa học được bố trí vào dịp nghỉ hè hoặc nghỉ đông theo kiểu khóa học tập trung.

3.2.9. Kế hoạch giảng dạy

Môn phiên dịch vốn thường không có giáo trình cố định, giáo viên sử dụng tài liệu tự biên soạn hoặc sưu tầm và phát vào mỗi buổi học. Không hiếm trường hợp giáo viên sử dụng chính tài liệu, tư liệu, file ghi âm mà mình đã dịch trong các buổi hội thảo, diễn thuyết làm tài liệu giảng dạy. Nói một cách khác, môn dịch vốn thường không có kế hoạch giảng dạy. Tuy nhiên, gần đây, do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) chỉ đạo nên rất nhiều trường đại học yêu cầu tất cả các môn học phải có đề cương môn học trong đó cung cấp đầy đủ thông tin về môn học và phát cho sinh viên trước khi bắt đầu môn học. Rõ ràng, việc có kế hoạch môn học là rất cần thiết để tiến hành môn học một cách hiệu quả, song, trong khảo sát của Someya (2007), tác giả đã chỉ ra rằng chỉ có khoảng 67% môn học có phát đề cương môn học (bao gồm nội dung cụ thể của từng tuần). Theo tác giả, dù đây chưa phải là con số có thể hài lòng, nhưng đã có sự tiến bộ so với trước đây.

3.2.10. Quy mô lớp học

Lớp học có sĩ số trung bình là dưới 20 người chiếm 39%, dưới 10 người chiếm 21%, dưới 30 người chiếm 18%, dưới 50 người chiếm 18%. Giờ phiên dịch là giờ học coi trọng thực hành, nên quy mô lớp nhỏ sẽ dễ dạy và học hơn. Có ý kiến cho rằng lớp học dưới 10 sinh viên là lý tưởng nhất. Với thực tế giảng dạy ở bậc đại học và sau đại học hiện nay ở Nhật Bản, lớp học trên dưới 10 người thường chỉ có ở bậc sau đại học, còn ở bậc đại học thường là lớp có quy mô trên dưới 30 người thì việc có tới 60% lớp học dịch có sĩ số sinh viên dưới 20 người chứng tỏ nhà trường cũng đã cố tạo ra môi trường học tập tốt nhất cho giờ học phiên dịch. Với những giờ học có sĩ số trên dưới 100 người thường là giờ học về lý thuyết.

3.2.11. Trang thiết bị cho lớp học

Tại thời điểm khảo sát (năm 2007), trang thiết bị được giáo viên sử dụng nhiều nhất vẫn là cát-xét (34%), thiết bị xem video, DVD (25%), thiết bị trình chiếu giáo trình (13%), máy tính (12%), hệ thống CALL (10%). Thời điểm khảo sát đã khá lâu, trong số giáo viên có người không thông thạo sử dụng các trang thiết bị hiện đại, nên số người sử dụng cát-xét tương đối cao, ngược lại số người sử dụng hệ thống CALL còn thấp. Tuy nhiên, gần đây các trường đại học đã trang bị những thiết bị khá hiện đại, nên việc sử dụng các trang thiết bị dạy học chắc chắn sẽ có nhiều thay đổi.

3.2.12. Phòng học

Nhiều nhất là sử dụng phòng nghe nhìn 35%, ngược lại, số người sử dụng phòng CALL mới chỉ có 16%, sử dụng phòng học đa mục đích là 8%. Ngoài ra, nhiều người trả lời là sử dụng phòng học dành riêng cho luyện tập dịch cabin. Điều này chứng tỏ môn dịch đã được nhiều trường đại học quan tâm đầu tư cơ sở vật chất.

3.2.13. Điểm quan trọng khi xây dựng và vận hành giờ học

Khi được hỏi về những điều quan tâm khi làm giáo án hay khi lên lớp, giáo viên đã lựa chọn “tăng cường năng lực ngôn ngữ” (38%), “bồi dưỡng phiên dịch” (23%), “giáo dục về liên văn hóa” (18%), “giáo dục kiến thức cơ bản” (18%), “không có gì” (3%). Có thể thấy, mặc dù là khóa đào tạo phiên dịch, nhưng tỉ lệ người chọn câu trả lời “bồi dưỡng phiên dịch” chỉ chiếm 23%, còn lại tới 77% lựa chọn các câu trả lời không liên quan đến mục tiêu đào tạo kỹ năng cho người phiên dịch. Kết quả này phản ánh đúng thực trạng và vấn đề cần cải thiện của việc đào tạo phiên dịch tại Nhật Bản.

3.2.14. Tỷ lệ lý thuyết và thực hành

Số người trả lời là phối hợp giữa lý thuyết và thực hành là 56%, số người trả lời rằng chủ yếu tiến hành giờ học theo kiểu rèn luyện kỹ năng, hầu như không dạy lý thuyết là 38%, số người trả lời chỉ dạy lý thuyết, hầu như không dạy thực hành là 5%.

Cần nói thêm rằng, với những người trả lời có kết hợp cả lý thuyết lẫn thực hành, khi được hỏi thêm về tỉ lệ giữa lý thuyết và thực hành trong môn học, thì hầu như đều trả lời tỉ lệ thực hành nhiều gấp hơn 2 lần lý thuyết. Có thể nói cũng như môn biên dịch, môn phiên dịch ở trường đại học cũng nặng về thực hành hơn là lý thuyết.

3.2.15. Những vấn đề tồn tại trong quá trình giảng dạy

Đây là phần giáo viên trả lời tự do về những vấn đề tồn tại mà họ cảm thấy trong quá trình giảng dạy. Dưới đây là một số vấn đề mà giáo viên chỉ ra trên cơ sở nhóm các vấn đề tương tự với nhau dựa trên các từ khóa.

- 1) Trình độ tiếng Anh của người học còn yếu kém.
- 2) Quy mô lớp học quá lớn.
- 3) Mục tiêu của giờ học
- 4) Ý nghĩa của dạy phiên dịch trong trường đại học

5) Trình độ của người học không đồng đều.

6) Việc hạn chế đăng kí và cách lựa chọn sinh viên

7) Năng lực tiếng Nhật (tiếng mẹ đẻ) yếu kém.

8) Thiếu kiến thức về liên văn hóa

9) Duy trì và tạo động lực học tập.

10) Thời lượng giờ học không đủ.

11) Thiếu kiến thức nền

12) Sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành.

13) Những trường hợp khác (nếu có)

Các giáo viên lo lắng nhiều nhất là về trình độ tiếng Anh của sinh viên. Do nhiều lý do mà buộc phải nhận những sinh viên không đủ năng lực để rèn luyện năng lực phiên dịch, khiến giáo viên thấy vô cùng khó dạy.

Ngoài ra, trong số nhận xét của giáo viên còn có ý kiến cho rằng mục tiêu của khóa học không nên để là “bồi dưỡng phiên dịch viên”, bởi năng lực phiên dịch bao gồm rất nhiều năng lực, trong đó có năng lực về ngôn ngữ. Bởi vậy, cần bồi dưỡng, rèn luyện từng “tiểu năng lực” theo từng trường hợp, từng giai đoạn, đồng thời nên bổ sung cả mặt lý luận, ví dụ lý thuyết về giao tiếp liên văn hóa, lý thuyết sơ đẳng về ngữ dụng học, diễn ngôn. Các kiến thức, lý thuyết này cần được xây dựng một cách có khoa học, hệ thống trong suốt 4 năm học và được đưa vào không chỉ giờ dạy dịch mà còn đưa vào trong quá trình dạy các môn học khác.

Nếu nghiên cứu của Someya (2005) lấy đối tượng là giáo viên thì nghiên cứu của Tanaka và các cộng sự (2007) lại lấy đối tượng là các sinh viên đã khảo sát về ý thức của sinh viên khi tham gia các giờ học phiên dịch. Tác giả đã khảo sát 12 trường đại học, 2 viện sau đại học, 1 trường trung cấp và thu về 377 lượt trả lời.

3.2.16. Lý do đăng kí môn học

Có tới 80% sinh viên trả lời lý do đăng kí môn học là muốn nâng cao năng lực tiếng Anh; 45% trả lời do quan tâm tới cách phiên dịch và phương pháp học môn phiên dịch. Có thể thấy rằng trong số sinh viên đang học các môn phiên dịch có một bộ phận sinh viên quan tâm tới bản thân môn học, nhưng cũng rất nhiều sinh viên không quan tâm tới môn học này.

- Năng lực tiếng Anh ở thời điểm hiện tại: phần lớn sinh viên có điểm TOEIC dưới 560 chiếm trên 60%. Số có điểm TOEIC trên 950 TOIEC chỉ có 5%; tỉ lệ có số điểm từ 911-950 là 14%.

3.2.17. Tự đánh giá về năng lực tiếng Anh

Khi yêu cầu sinh viên tự đánh giá năng lực tiếng Anh của mình, có 28% đánh giá là “Rất giỏi”; 30% đánh giá “có năng lực ở một trình độ nhất định”; 60% trả lời “ít nhiều tự tin vào năng lực tiếng Anh của mình”. Kết quả này cho thấy người học thấy tự tin vào trình độ tiếng Anh của mình và mong muốn tăng cường năng lực tiếng Anh. Đây chính là động cơ học của người học.

3.2.18. Đã từng du học, sinh sống tại nước ngoài chưa

Chỉ có 8% trả lời là đã từng sống ở nước ngoài; 5% đã từng du học thời cấp ba; 13.5% từng du học thời đại học. Trường hợp từng sinh sống và du học thường là đi Mỹ, tiếp theo là Canada và Ostraylia. Thời gian sinh sống và học tập từ 1 đến trên 10 năm. Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì đại bộ phận sinh viên chưa từng sinh sống và học tập tại nước ngoài.

3.2.19. Đã từng tham gia khóa đào tạo phiên dịch chưa

13% trả lời đã từng tham gia, trong đó trên một nửa trả lời đã từng luyện tập phiên dịch trong giờ học ở trường đại học. Số trả lời đây là lần đầu tham gia lớp về phiên dịch chiếm 87%, đông áp đảo.

3.2.20. Muốn học gì, đạt được gì trong giờ học

64% trả lời “muốn có được cách học tiếng Anh hiệu quả”; 47% trả lời “muốn biết được các bí quyết, kỹ thuật dịch”; chỉ 25% trả lời “muốn học những kiến thức liên quan đến công việc và chứng chỉ phiên dịch”, thấp hơn so với số lượng người trả lời là “muốn trang bị kỹ năng cần thiết cho việc du học và tìm việc” (35%).

3.2.21. Mong muốn sau khi tốt nghiệp

52% trả lời “dù không trở thành phiên dịch cũng muốn làm những công việc có sử dụng tiếng Anh”. Ngược lại, chỉ có 7% trả lời “muốn trở thành phiên dịch chuyên nội bộ trong công ty”. Một số người bổ sung thêm rằng họ muốn trở thành giáo viên tiếng Anh hoặc làm các công việc liên quan tới du lịch. Qua kết quả khảo sát này, có thể thấy sinh viên đăng ký môn học không phải do có nguyện vọng trở thành phiên dịch, mà phần lớn sinh viên muốn sau này dù không làm phiên dịch nhưng muốn làm các công việc có sử dụng tiếng Anh theo một cách nào đó. Có thể cho rằng sinh viên đăng ký môn học do nghĩ rằng nó sẽ có lợi gì đó cho con đường tương lai của mình.

3.2.22. Hiện tại còn đăng ký học các môn tiếng Anh nào, hoặc đã từng học môn tiếng Anh nào

Các môn học được nhắc đến bao gồm Đọc, Viết, Nghe, Ngữ pháp, Ngôn ngữ Anh, Ngữ âm, Đọc sách, Giao tiếp tổng hợp, Thuyết trình, Tiếng Anh thời sự, Tiếng Anh media, Giáo học pháp Tiếng Anh, Diễn thuyết trước công chúng, Giao tiếp khẩu ngữ.

Dựa vào kết quả khảo sát, Tanaka (2007) đã chỉ ra một số vấn đề như sau:

- Nhiều sinh viên cho rằng mục đích của việc đăng ký học môn phiên dịch là để “nâng cao năng lực tiếng Anh” hoặc cho rằng “lớp phiên dịch = lớp tiếng Anh” là

những gợi mở cho việc dạy môn phiên dịch trong tương lai.

- Có những sinh viên mà trình độ tiếng chưa cao cũng tham gia lớp học. Việc dạy phiên dịch cho đối tượng chưa đủ trình độ tiếng thực sự vất vả. Nếu dạy kỹ năng dịch một cách không tới nơi tới chốn thậm chí còn khiến cho sinh viên bị hỗn loạn. Trong thời gian tới, khó có thể kì vọng trình độ ngoại ngữ của sinh viên Nhật có sự cải thiện vượt bậc. Bởi vậy, ý nghĩa của môn học này trong các trường đại học không lớn.

- Những vấn đề liên quan đến sự phát triển của dạy dịch trong thời gian tới cần có một khung lý thuyết mới khác với khung lý thuyết từ trước đến nay (Someya, 2005). Chúng ta vốn thường quan niệm dạy dịch theo nghĩa hẹp, tức là chỉ đơn giản là một cách rèn luyện năng lực ngôn ngữ, nên bồi dưỡng những người có thể đóng vai trò như một nhà chuyên thông tin. Song nghề dịch vốn có sứ mệnh là giải thích cho ai đó hiểu những điều mà người ta không hiểu. Người phiên dịch là cầu nối giữa những đối tượng có văn hóa, tập quán khác hẳn nhau, và họ cần sử dụng các cách diễn đạt để nhằm giúp cho 2 bên hiểu nhau trên cơ sở tôn trọng vị trí và quan điểm của cả 2 người. Trong tương lai, ở các giờ dạy dịch cần đặt tiêu điểm vào vai trò của người phiên dịch như một người kết nối văn hóa, vì vậy cần bồi dưỡng năng lực giao tiếp giao văn hóa trong các khóa đào tạo phiên dịch (Niisaki, 2007).

- Lý thuyết là một nội dung quan trọng. Trong dạy dịch cần đưa vào cả những lý thuyết thuộc các ngành gần như giáo dục tiếng Anh, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học tri nhận, tâm lý học, phân tích diễn ngôn,...

- Các giáo viên phụ trách môn dịch phải tự nghĩ những phương pháp dạy cho phù hợp với từng thực trạng giáo dục. Để thay đổi ý thức của sinh viên với lớp dịch thì giáo viên trước hết cần nhận thức được đặc trưng, giá trị của giờ dịch và cố gắng truyền đạt nó một cách đầy đủ cho sinh viên.

4. Vai trò của phiên dịch trong thời kì mới

Khảo sát các nghiên cứu về thực trạng đào tạo biên – phiên dịch tại Nhật Bản, có thể thấy đây là một lĩnh vực còn có nhiều dư địa để phát triển. Mặc dù biên – phiên dịch vẫn còn chưa được thực sự coi như lĩnh vực mang nhiều tính học thuật, song đã ngày càng được các trường đại học chú ý và đầu tư.

Theo Korikai (2001), thế kỉ 21 là thế kỉ mà chúng ta sẽ sống trong một xã hội đa văn hóa, và phiên dịch sẽ ngày càng trở nên cần thiết. Mặc dù ngày nay, dịch máy, dịch tự động đã có những bước phát triển thần tốc và được mong đợi sẽ hỗ trợ con người rất nhiều trong việc liên kết các nền văn hóa, nhưng có những tình huống phải có kiến thức sâu rộng về văn hóa, bối cảnh, quan hệ liên nhân của các phát ngôn thì mới có thể dịch đúng, dịch hay. Torikai (2001) cho rằng điều này chỉ có con người mới làm được. Có thể thấy rằng trong thời gian tới, nhu cầu về những phiên dịch chất lượng cao ngày càng lớn.

Vậy vai trò của người phiên dịch trong thời đại ngày nay là gì? Thế nào là một “phiên dịch chất lượng cao” có thể giải quyết những vấn đề máy móc không thể thay thế được? Theo Torikai (2001), đây là những vấn đề mà người phiên dịch phải tự tìm ra câu trả lời qua những nghiên cứu thực nghiệm. Và những kết quả thu được từ những nghiên cứu đó chắc chắn sẽ đóng góp lớn cho nghiên cứu về giao tiếp liên văn hóa, thương thuyết ngoại giao. Như vậy, ở thế kỉ 21,

người phiên dịch của Nhật Bản sẽ đóng vai trò là chuyên gia có kiến thức sâu sắc về những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa, và giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

- Mokanu, M. (2020, June 30). *Meiji jidai ni okeru hon'yaku: Ichinenkan no hōnichi kenkyū o furikaette*. NF-JLEP Association. <https://www.nf-jlep.org/topics/report/1442.html>
- Naganuma, M. (2008). Ankēto ni miru nihon'nodaigaku hon'yaku kyōiku no genjō _ hon'yaku kyōiku jittai chōsa no shūkei to bunseki. *Tsūyaku hon'yaku zasshi*, 8, 285-297.
- Sato, A. (2004). *Nihon tsūyaku sangyō kenkyū* [Doctoral dissertation, Waseda University]. Waseda University Repository. <http://hdl.handle.net/2065/488>
- Someya Y, Saito M, Tsuruta C, Tanaka Y, Inou K. (2005). Wagakunino daigaku daigakuinni okeru tsuyaku kyoikuno jittai chōsa. *Tsūyaku hon'yaku kenkyū*, 5, 258-310.
- Takeda, K. (2012). Nihon ni okeru tsūyaku-sha yōsei ni kansuru ichikōsatsu. *Tsūyaku hon'yaku kenkyū*, 12, 105-117.
- Tanaka, M., Inao, K., Kawahara, K., Shinzaki, R., Nakamura, S. (2007). Tsūyaku kurasu jūkō-sei-tachi no ishiki chōsa ~ 2007-nendo jisshi tsūyaku kyōiku bunka-kai ankēto yori. *Tsūyaku hon'yaku kenkyū*, 7, 253-263.
- Torikai, K. (2001). Dai 22-ki kokugo shingikai tōshin ni miru tsūyaku oyobi tsūyaku kyōiku. *Tsūyaku hon'yaku kenkyū*, 1, 126-135.
- Yuzawa, T. (2010). *Kodai nihonjin to gaikoku-go Higashiajia ibunkakōryū no gengo sekai*. Benseisha Publishing Inc.

THE HISTORY OF TRANSLATION AND THE CURRENT STATUS OF TRANSLATOR – INTERPRETER TRAINING IN JAPAN

Dao Thi Nga My

*VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam*

Abstract: The teaching of translation – interpretation in Japan has different characteristics compared to the West and neighbouring countries. A study into the current status of translation and interpretation teaching in Japan and its existing problems will provide suggestions for training in translation and interpretation in Vietnam. Simultaneously, this article also summarizes previous Japanese researches on the reality of teaching and learning translation and interpretation at Japanese universities. It is hoped that specific information about lecturers, class size, existing problems and learners' aspirations will be constructive to the development of translation and interpretation at Vietnamese universities.

Keywords: translation – interpretation training, translation, intercultural